VIỆC HỌ CUỐI NĂM - TIẾNG GỌI NGUỒN CỘI

NGUYỄN KHẮC ĐOÀI*

Đã từ lâu, trong tâm thức người Việt, việc thờ cúng tổ tiên với sự thành kính để cầu mong các đấng sinh thành phù trì cho con cháu bình an, thịnh vượng. Từ việc thờ phụng ở các tư gia phát triển lên thành ý thức gắn kết cộng đồng "một giọt máu đào hơn ao nước lã" đã hình thành nên việc tôn thờ "ông tổ" chung của một dòng họ.

Việc họ hiểu theo nghĩa rộng là tất cả những hoạt động liên quan đến dòng họ đó, như xây quỹ khuyến học, thăm hỏi người ốm đau, khao vọng, tang ma, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn trong họ, các hoạt động liên quan đến dòng họ: cưới hỏi, xây nhà thờ họ, chăm sóc mồ mả…rồi đến việc cử đại diện ở các chi, ngành phụ trách cho tất cả các hoạt động trên. Hiểu theo nghĩa hẹp, việc họ tức là những hoạt động chạp mả, tế lễ, liên hoan vào dịp cuối năm, thường diễn ra vào trung tuần tháng Chạp trở đi.

Vài nét về lịch sử hình thành dòng họ

Đất nước ta vốn đa sắc tộc, đa sắc thái của cộng đồng 54 tộc người đang sinh sống. Thử tìm hiểu về nguồn gốc của các dân tộc, nhà nghiên cứu Trần Lâm Biền đã có những kiến giải trên cơ sở kiến thức dân tộc học của cố GS Từ Chi: "Người Hán vốn miền hoàng thổ (Hoa Bắc) luôn có xu hướng bành trướng xuống phương Nam. Sức ép của họ khiến nhiều tộc khác phải thiên di - khoảng vài ngàn năm về trước, giáp Bắc Lạc Việt có hai hệ Việt khác là Tày Thái và Đản, ngăn cách giữa họ là núi cao có người Miêu ở. Người Đản ở phía Đông, giáp biển, quá trình thiên di của họ đã góp phần đắc lực tạo nên một số quốc gia đảo, bán đảo ở phương Nam và Đông Nam Á. Họ đổ bộ vào miền Trung đất Việt để dần dần tạo nên vương quốc Chăm pa. Ở Bắc Bộ họ theo dòng sông Hồng ngược lên khá xa mà hội tụ với người bản địa, rồi mang tư cách là một thành phần trong hệ Việt Mường. Còn người Tày Thái ở phía trong, cuộc thiên di của họ tràn xuống phía Nam, góp mặt vào các thành phần của quốc gia Lào và Thái Lan hiện nay. Họ vào đất Việt mà một chứng tích của thời xa xưa ấy, nay là người Thái trắng, Thái đen ở Tây Bắc. Song, cũng nên hiểu họ là một thành phần chính trong hệ Việt Mường. Tất nhiên, trước khi có các cuộc thiên di này thì ở Bắc Bộ đã có người bản địa thuộc gốc Môn Khơ-me và hệ thứ hai là người Tạng Miến theo các triền sông lớn mà tràn xuống một cách tự nhiên"[1].

Theo cách lý giải trên mà suy ra thì đất nước ta có nhiều tộc người dung hội mà hình thành nên, trong đó hệ Việt Mường (hệ lai) chiếm số lượng đông đảo. Khoảng thế kỷ thứ III tới thế kỷ XVII là quá trình tách ra của Việt và Mường riêng rẽ. Tất nhiên phải trải qua nhiều sự "va đập" lịch sử, quá trình giao lưu, tiếp biến giữa các tộc người mà hình thành như ngày nay. Về lĩnh vực dân tộc học, văn

* Cục Di sản văn hóa

hóa vẫn còn đó nhiều câu hỏi cần lời giải đáp thỏa đáng hơn như sự giao thoa và hình thành nên các tộc người, nhưng trong khuôn khổ bài viết này chỉ có thể đưa ra vài nét khái quát cơ bản.

Về việc hình thành các dòng họ của người Việt, nhiều nhà chuyên môn đã cho rằng, người Việt chỉ thực sự có họ từ khi sự xâm lược của người Hán dưới thời kỳ Bắc thuộc. Còn trước đó, người Việt Nam chưa có họ. Có người cho rằng người Việt có họ từ thời Hùng Vương bằng chứng là họ Chử (Chử Đồng Tử), hoặc thần núi Tản Viên vốn họ Nguyễn, nhưng theo sự thu thập tài liệu từ những nhà nghiên cứu thâm niên, việc gắn tên họ cho Sơn Tinh là do các nhà Nho sau này "truyền thuyết hóa", với mục đích dùng uy danh của thần thánh để phục vụ cho việc cai trị của chính quyền quân chủ, và củng cố thêm mối đoàn kết dân tộc trước nguy cơ đe dọa từ kẻ thù. Quá trình phát triển của các dòng họ trên đất nước ta lúc đầu chủ yếu là người bản địa, sau này cùng với sự di dân từ phương Bắc xuống khiến nước ta có thêm rất nhiều dòng họ có tên gốc từ Trung Hoa.

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử dựng nước và giữ nước, các dòng họ dù là dân bản địa, hay di cư đến đều sống chung trên một mảnh đất, họ phải có sự đoàn kết để bảo vệ lãnh thổ chung. Vì vậy, qua thời gian và sự trao đổi văn hóa, các dòng họ hầu như không còn có sự phân biệt nữa. Giữa những con người này đã có sự ràng buộc về nhiều mặt, khó tách rời tạo nên một sự liên kết vững chắc.

Từ tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đến việc họ

Thờ cúng tổ tiên là hình thức sinh hoạt tín ngưỡng không chỉ có ở Việt Nam mà còn diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới. Đối với người thế tục, họ luôn tin rằng có sự tồn tại của thế giới bên kia (thế giới tâm linh), của quỷ thần. Họ quan niệm cuộc sống ngắn ngủi ở dương thế chỉ là tạm thời, khi chết đi mới thực sự là chốn "vĩnh hằng". Vì thế con người khi chết đi sẽ là chỗ dựa tinh thần "phù hộ, độ trì" cho con cháu. Những người đã khuất ấy được thờ phụng, được coi như những vị "thần linh" của mỗi gia đình. Không những thế, người Việt thờ phụng tổ tiên còn thể hiện đạo hiếu với ông bà, cha mẹ. Với tâm niệm "kính như tại" (cung kính như lúc còn sống), người Việt luôn có ý thức hương khói quanh năm để tri ân người đã khuất. Ngày nay ở nước ta dù theo bất kỳ một tôn giáo nào người ta cũng đặt bàn thờ tổ tiên trong nhà, nếu theo đạo Thiên Chúa bàn thờ thường đơn giản, đặt dưới tượng Chúa, còn bình thường thì bàn thờ tổ tiên luôn được đặt ở chỗ trang trọng nhất.

Một bàn thờ tổ tiên theo đúng lối cổ thường có "án gian" sơn son thếp vàng, được chạm trổ cầu kỳ mang nhiều ý nghĩa triết học phương Đông, như: tùng, trúc, cúc, mai, dơi ngậm chữ thọ, nhiều khi cả long ly, quy, phượng, đặt ở gian giữa. Hai bên có hai hoặc bốn cột gỗ để treo câu đối, phía trên treo hoành phi (đại tự, cuốn thư). Khoảng không gian phía trên cột thường trang trí, họa tiết cầu kỳ, sơn son thếp vàng bao quanh khu thờ gọi là "cửa võng". Trên án gian (ban thờ) phía trong cùng có đặt ngai, hoặc khám có cửa đóng kín để thần chủ, bài vị tổ tiên thờ trong đó, ngày giỗ tết mới mở ra. Ở giữa đặt bát hương, lư hương, hai bên bố trí đồ lễ (đài để nước, đèn dầu (nến), rượu, trầu cau, ống đựng hương thắp…). Ngoài ra còn phải có mâm bồng hình tròn để bày ngũ quả ngày tết, hoặc bày lễ vật dâng cúng. Nhiều gia đình cẩn thận còn làm cả lớp vải che phía ngoài bàn thờ gọi là "y môn", khi có giỗ tết, làm cỗ thắp hương thì hạ y môn xuống, việc này ngụ ý để cho các cụ được tự nhiên, không muốn con cháu nhìn vào khi "ăn uống". Phía trước án gian, thấp hơn một chút nhiều người cho đặt tủ thờ (phổ biến dùng tủ chè), hoặc ghép thêm những mảnh gỗ đẹp phía trong mục đích để có chỗ đặt đồ lễ, cỗ, vì án gian không đủ diện tích. Phía dưới cùng, thấp nhất trước án gian thường đặt chiếc sập gụ, vừa làm chỗ chuẩn bị cho dâng vật phẩm cúng lễ lên bàn thờ, vừa có ý nghĩa tăng thêm tính thẩm mỹ, sự trang nghiêm, quy củ nơi thờ phụng. Một số nhà còn mạnh dạn đặt thêm hai bên bàn thờ đôi hạc chầu có rùa đội, đồ bát kích (tám thứ binh khí cổ: Đao, kiếm, thương, chùy, búa, gậy, họa kích, đinh ba) làm bằng gỗ hoặc sắt, nhằm tăng thêm uy lực, tránh được tà khí ma quỷ xâm nhập. Bàn thờ tổ tiên ở mỗi gia đình bài trí như thế nào thì ban thờ tổ của dòng họ cũng ít có sự khác biệt.

Từ thờ cúng tổ tiên ở tư gia đến thờ phụng vị thủy tổ của dòng họ là sợi dây gắn kết con người lại với nhau hơn. Đó là những cơ sở để xây dựng

nên những hoạt động chung của dòng họ mà chúng ta hay gọi đó là "việc họ". Nhưng việc họ chắc chắn không thể có từ lúc xuất hiện các dòng họ như đã nói trên. Việt Nam vốn có nền tảng nông nghiệp và tư duy "tiểu nông" đã chi phối đời sống xã hội suốt cả thời gian dài, vì thế mà dòng họ chưa được coi trọng. Phải đến khi có sự phát triển của thương nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề ra đời vào khoảng thế kỷ XVI - XVII thì yếu tố dòng họ mới được coi trọng hơn. Lúc này đã thấy xuất hiện một số dòng họ không còn tham gia sản xuất nông nghiệp như họ nhà vua (Hoàng tộc), họ của các quan lớn trong triều, họ của người nông dân ra kinh thành hoạt động các nghề thủ công, buôn bán…Càng về sau, khi nền kinh tế tư nhân gắn với các hoạt động giao thương, buôn bán, trao đổi hàng hóa phát triển đã đưa nhiều nông dân "đoạn tuyệt" với sản xuất nông nghiệp, thoát khỏi cảnh "con trâu đi trước, cái cày theo sau". Khi điều kiện kinh tế đã được cải thiện, rõ ràng ý thức hướng về cội nguồn, dòng họ lại càng cao, họ tìm về nơi "quê cha đất tổ", nơi "chôn rau cắt rốn", mang theo tiền bạc của cải về để xây dựng nhà thờ họ, tổ chức các hoạt động trong họ. Từ những nguyên do đó mà các dòng họ có thêm nguồn "ngoại lực" để duy trì, phát triển hơn.

Cũng cần phải nói thêm, đất nước ta luôn bị các thế lực lớn mạnh ở Trung Hoa xưa tìm cách xâm lược, đồng hóa. Muốn chống lại kẻ thù mạnh hơn ta, không còn cách nào tốt hơn là phải có sự đoàn kết. Trong những lúc quốc gia lâm nguy, sự đoàn kết ấy trở thành một khối vững chắc toàn dân tộc, đủ sức đương đầu với cường địch. Đó cũng là những cơ sở, động lực thúc đẩy con người nhớ về cội nguồn, dòng họ.

Như vậy, có thể nói thờ cúng tổ tiên ở từng gia đình rồi đến ngôi nhà thờ chung của một dòng họ là cả một quá trình tương đối dài. Việc thờ chung một ông tổ của họ tức là ý thức cố kết cộng đồng đã ở mức cao.

Tháng Chạp - tiếng vọng tâm linh

Vào dịp cuối năm, khi những cơn gió mùa Đông Bắc rét đến "cắt da cắt thịt" khiến cho đất trời thêm nhuốm màu ảm đạm. Tháng Chạp là tháng cuối cùng của năm, bao công việc cứ dồn cả lại, nhưng ai có tấm lòng hướng về tổ tiên sẽ phải cố gắng dành dụm thời gian của mình để trở về với việc họ.

Việc họ thường diễn ra vào khoảng từ rằm tháng Chạp đến trước khi Táo quân lên Thiên đình báo cáo công việc một năm qua của hạ giới (ngày 23). Tại sao việc họ cứ phải tổ chức vào tháng Chạp? Rằng, dân ta từ lâu vốn coi tháng Chạp là tháng liên quan đến các kiếp đời đã qua. Việc họ cuối năm chủ yếu để tỏ tấm lòng hiếu kính với người đã khuất của con cháu như nghi thức tế lễ, chạp mả… nên đương nhiên phải diễn ra vào dịp tháng Chạp với đầy đủ ý nghĩa.

Việc họ cuối năm là một nét sinh hoạt văn hóa đặc trưng, tiêu biểu của nhiều địa phương trên đất nước ta. Ngày diễn ra việc họ sẽ tập trung ở nhà trưởng họ hoặc nhà thờ tổ, mọi người sẽ bắt tay ai vào việc nấy đã được phân công từ trước. Theo truyền thống, chỉ các "suất đinh" tức nam giới mới được tham gia việc họ, còn nữ thì không. Nhưng hiện nay, một số dòng họ đã có tư duy đổi mới, không phân biệt nam hay nữ, đến ngày việc họ, ai cũng được tham gia. Theo tìm hiểu của chúng tôi về việc họ của vùng văn hóa xứ Đoài (khu vực phía Tây ngoại thành Hà Nội) có những nội dung sau:

- Họp bàn trước ngày diễn ra việc họ để phân công công việc cho các thành viên, thống nhất ý kiến sẽ tổ chức như thế nào, có tế lễ không, có sửa sang lại nhà thờ tổ, mộ tổ, rồi chuyện đóng góp kinh phí bao nhiêu…

- Nghi lễ thờ phụng: tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng dòng họ mà có những nghi lễ phù hợp. Có họ đông, nhiều người sẽ tổ chức tế lễ trang trọng như ở đình làng vậy. Buổi tế cũng đầy đủ các trình tự quan trọng nhất theo nghi thức cổ truyền như thời gian tế khoảng từ 1 đến 2 giờ, dâng đầy đủ 1 tuần nhang, 3 tuần rượu, 1 tuần trà. Những người tham gia cũng mặc trang phục cổ dành cho việc tế lễ (có thể mượn của làng, hoặc trong họ đóng góp để mua riêng). Đội tế có đầy đủ thành phần: Chủ tế, Bồi tế, Đông xướng, Tây xướng… Đội "bát âm" (tức những nhạc cụ cổ: đàn, sáo, nhị, phách, chiêng, trống, kèn, tù và) là những nghi thức không thể thiếu trong buổi tế. Những họ nhỏ thì không thể thực hiện được những nghi lễ "tế tổ", nhưng vẫn dâng đầy đủ lễ vật lên bàn thờ tỏ lòng thành kính.

- Chạp mả: đến ngày việc họ, con cháu đều tề tựu đông đủ để cùng đi ra đồng nơi có những ngôi mộ của tất cả các chi, ngành. Thời xưa, các ngôi mộ chủ yếu bằng đất nên mỗi người đều mang theo cuốc, xẻng để đắp lại mộ, phạt cỏ sạch sẽ và cũng tránh tình trạng mất mộ. Ngày nay, do kinh tế phát triển, đa số các ngôi mộ đã được xây kiên cố bằng đủ các chất liệu gạch, đá, bê tông nên mọi người thường mang theo vôi, hoặc sơn để quét lại cho mới. Con cháu tập trung ra đồng chạp mả thể hiện lòng tôn kính vô bờ bến với tổ tiên, đến ngày này dù mưa to gió lớn cỡ mấy thì ai cũng sẵn sàng đi. Đứng trước "anh linh tiên liệt", thắp nén tâm nhang kính cẩn nghiêng mình tạ ơn tiên tổ, rồi mời từng cụ về thụ hưởng lễ vật, chung vui cùng con cháu nhân ngày trọng đại. Đây còn là dịp để những bậc bề trên giới thiệu với con cháu về tiểu sử hoặc những công lao, đóng góp của những người đã khuất đang nằm dưới từng ngôi mộ.

- Chia phần: lễ vật trước tiên được dâng lên bàn thờ tổ sau đó được mang xuống để chia "phần" cho suất đinh trong họ. Lễ vật thường là xôi và thủ lợn, rượu, hoa quả. Tùy theo lượng người mà nhà bếp ước lượng đồ ăn trước để dâng lên tổ tiên sau để con cháu thụ hưởng, phần được chia đều ra rồi gắp phiếu, nhà ai nhiều đinh phần càng nhiều. Đây không phải chỉ đơn giản là những thức ăn ngày thường mà là "lộc tổ" nên ai nấy đều tự hào, gói ghém trân trọng những suất phần mang về chia đều cho con cháu. Nếu ở gần thường mang phần về nhà trước sau đó mới đến ăn cỗ.

- Liên hoan: sau khi đã xong xuôi hết mọi công việc, từ tế lễ, chạp mả, làm cỗ…, mọi người bắt đầu sắp xếp chỗ ngồi để "hưởng lộc tổ tiên" cùng nhau nâng chén rượu, hỏi thăm sức khỏe, công việc sau một năm mới được "tái ngộ". Cỗ họ theo lối cổ thường chỉ được ngồi 4 người một mâm, cho dù ngày thường trong họ có việc như khao thọ, cưới xin đều ngồi 5 hoặc 6 người một mâm. Nhiều dòng họ to, nhân khẩu lắm, con cháu tề tựu đông đủ, buổi việc họ cỗ bàn thường làm linh đình, thịt lợn, mổ bò, số lượng khoảng từ vài chục đến cả trăm mâm cỗ.

- Tổng kết: khi đã cơm rượu đầy đủ, mọi người có cuộc họp gọi là tổng kết để bàn về buổi việc họ vừa diễn ra. Công khai các khoản thu chi của những việc trong họ một năm qua. Buổi tổng kết cũng là lúc cuối cùng mọi người họp mặt, họp bàn và quyết định những công việc của họ sắp tới. Qua đó mọi người có thể đưa ra những sáng kiến mới, hoặc tuyên dương những cá nhân điển hình, hoặc rút kinh nghiệm về những thiếu sót trong công việc chung của nội tộc. Buổi tổng kết thường diễn ra sau bữa ăn, nhưng cũng có khi tổ chức trước khi ăn uống để tránh sự "quá chén" làm mất đoàn kết chung, phá vỡ không khí ấm cúng của buổi đoàn viên.

Như vậy, việc họ là một nét đẹp văn hóa đặc trưng ở những vùng đất còn lưu giữ đậm đặc nhiều giá trị văn hóa cổ. Nếu đã tổ chức việc họ vào cuối năm và có việc đi "chạp mả", thì tiết Thanh minh tháng 3 âm sẽ nhẹ đi rất nhiều (hoặc không thực hiện tết Thanh minh nữa). Theo một số luồng quan điểm, Thanh minh đi tảo mộ đang diễn ra ở một số vùng (không có việc họ cuối năm) thực chất là ảnh hưởng từ Trung Quốc, còn việc họ mới là bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc. Việc họ không chỉ có ý nghĩa về mặt cố kết cộng đồng, ý thức hướng về cội nguồn, tiên tổ của một dòng họ nhất định. Sâu xa hơn nữa là ý thức chung về giống nòi "con Rồng, cháu Tiên" với một lòng tôn kính hướng về vị "quốc tổ" chung của toàn dân tộc. Đó là nền tảng để xây dựng nên khối đại đoàn kết, tạo nên sức mạnh và mối liên kết bền vững: cá nhân - gia đình- dòng họ - làng - xã - quốc gia, mang lại hòa bình, độc lập, tự do, giàu mạnh cho đất nước./.

N.K.Đ

Chú thích:

1- Trần Lâm, "Tản mạn theo dòng văn hóa Tây Bắc", *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa,* Cục Di sản văn hóa - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nxb. Thế giới, 2005.

Tài liệu tham khảo:

1- Hải Ninh, "Vài nét về bàn thờ tổ tiên của người Việt", *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa,* Cục Di sản văn hóa - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nxb. Thế giới, 2005.

2- Trần Lâm, "Tục thờ Hùng Vương và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên", bài in trên *Tạp chí Di sản văn hóa,* số 2 (35) - 2011.

3- TS. Bùi Hoài Sơn, "Quá khứ là bệ đỡ của hiện tại và tương lai - một cách ứng xử của người Việt với tổ tiên", bài in trên trên *Tạp chí Di sản văn hóa,* số 2 (35) - 2011.

4- Phan Kế Bính (1990), *Việt Nam phong tục,* Nxb. Đồng Tháp.